

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh – Thương mại – Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng nông, thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, điện tử, xe gắn máy, nguyên nhiên vật liệu, vật tư, máy móc thiết bị, phân bón, phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, mỹ phẩm.
- Dịch vụ nhận uỷ thác xuất nhập khẩu các mặt hàng Nhà nước cho phép.
- Tổ chức các hoạt động dịch vụ cầm đồ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, karaoke (không kinh doanh tại trụ sở), cho thuê văn phòng đại diện, kinh doanh vàng, bạc, salon auto, sửa chữa xe, tráng rọi ảnh màu, máy văn phòng, photocopy, diệt trừ mối.
- Mua bán, đại lý, ký gửi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, thuốc lá nội, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm, sách và văn hóa phẩm.
- Mua bán hàng điện gia dụng, hạt nhựa, vật tư ngành ảnh, văn phòng phẩm, băng nhạc-đĩa nhạc, đồ điện gia dụng, giày da, túi xách, đồng hồ, mắt kính, cơ điện lạnh, máy giặt, xe gắn máy và phụ tùng, xe đạp, quần áo, bia, nước giải khát (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống).
- Đại lý ký gửi hàng hóa.
- Thu mua và chế biến hàng nông-thủy-hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở)
- Dịch vụ sửa chữa máy ảnh, chụp ảnh, quay video, cho thuê đồ cưới, cho thuê xe du lịch.
- Cho thuê, kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản.
- Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở).
- Mua bán xe ô tô.
- Mua bán gỗ rừng trồng, gỗ nhập khẩu.
- Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ giao nhận hàng hóa.
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Kinh doanh lẻ hành nội địa.

4. Tổng số các công ty con: 01 (một) công ty con.

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 (một)

- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không)

5. Thông tin về công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Công Nghệ Phẩm Thiên Nam :

- Địa chỉ : 451-453 Nguyễn Tri Phương, Phường 8, Quận 10, TP HCM
- Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng)
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 80%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 80%

NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 6. Niên độ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 7. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chứng từ

3. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con.

Kết quả kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo

4. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác :

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu :

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu năm 2010

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau :

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
- Máy móc thiết bị	5 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	2 – 5 năm
- Tài sản cố định khác	2 – 5 năm

8. Tài sản thuê hoạt động:

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Bất động sản đầu tư :

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.6.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hoá.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hoá được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính:

11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

11.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là <tương đương tiền>
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

11.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong 2 hoặc 5 năm.

13. Ghi nhận chi phí trích trước

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi

phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ công ty.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2009 theo Nghị quyết Chính Phủ số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Khi bán hàng hoá, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu năm 2010

còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Tiền mặt</i>	66.840.307	711.800.756
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	4.985.393.108	80.105.036.509
Cộng	5.052.233.415	80.816.837.265

2. Đầu tư ngắn hạn:

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Đầu tư ngắn hạn khác	20.000.000.000	-
Cộng:	20.000.000.000	-

Góp vốn hợp tác đầu tư dự án Sentosa Villa tại Thành Phố Phan Thiết

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Phải thu khách hàng	79.448.737.932	65.052.850.667
- Trả trước cho người bán	53.332.805.309	13.839.193.213
- Các khoản phải thu khác	1.022.082.536	264.109.579
Cộng	133.803.625.777	79.156.153.459

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu năm 2010

4. Hàng tồn kho

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Giá gốc hàng tồn kho	326.028.976.674	213.474.889.110
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(49.750.992)	(516.975.000)
Cộng	325.979.225.682	212.957.914.110

5. Tài sản ngắn hạn khác

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Chi phí trả trước ngắn hạn	281.195.166	21.823.592
- Thuế GTGT được khấu trừ	10.041.224.574	2.958.287.390
- Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	8.087.272.727	7.223.636.364
- Tài sản ngắn hạn khác	355.632.115	4.073.379.014
+ Tạm ứng	176.198.000	335.054.000
+ Ký quỹ ngắn hạn	179.434.115	3.738.325.014
Cộng	18.765.324.582	14.277.126.360

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	1.451.609.031	811.405.744	2.446.281.363	106.233.724	196.243.803	5.011.773.665
-Mua trong kỳ -Đầu tư XDCB hoàn thành -Tăng khác -Chuyển sang BĐS đầu tư -Thanh lý, nhượng bán -Giảm khác	(966.030.791)	46.697.727		91.890.465	30.065.250	168.653.442
Số dư cuối kỳ	485.578.240	858.103.471	2.446.281.363	198.124.189	226.309.053	4.214.396.316
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	976.609.625	295.361.786	400.729.459	74.851.202	196.243.803	1.943.795.875
- Khấu hao trong kỳ - Tăng khác - Chuyển sang BĐS đầu tư - Thanh lý, nhượng bán - Giảm khác	(549.136.108)	59.715.439	130.071.492	18.703.226	501.088	252.933.232
Số dư cuối kỳ	471.415.504	355.077.225	530.800.951	93.554.428	196.744.891	1.647.592.999
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu năm 2010

hình						
- Tại ngày đầu năm	474.999.406	516.043.958	2.045.551.904	31.382.522	-	3.067.977.790
- Tại ngày cuối kỳ	14.162.736	503.026.246	1.915.480.412	104.569.761	29.564.162	2.566.803.317

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công trình Cao ốc văn phòng 111-121 Ngô Gia Tự Q10 TP HCM	57.698.864.467	39.040.382.960
- Công trình Trung Tâm TM & Cao ốc Văn phòng 277B CMT8 Q10 TPHCM	552.719.419	552.719.419
Cộng	58.251.583.886	39.593.102.379

8. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	4.988.397.033			4.988.397.033
-Quyền sử dụng đất -Nhà -Nhà và quyền sử dụng đất -Cơ sở hạ tầng	4.988.397.033			4.988.397.033
II. Giá trị hao mòn lũy kế	1.647.908.290	166.557.972		1.814.466.262
-Quyền sử dụng đất -Nhà -Nhà và quyền sử dụng đất -Cơ sở hạ tầng	1.647.908.290	166.557.972		1.814.466.262
III. Giá trị còn lại của BĐS đầu tư	3.340.488.743			3.173.930.771
-Quyền sử dụng đất -Nhà -Nhà và quyền sử dụng đất -Cơ sở hạ tầng	3.340.488.743			3.173.930.771

9. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	30.616.894.683	30.200.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	32.116.894.683	31.700.000.000

- Đầu tư vào Công ty TNHH Bệnh Viện Mắt Việt Hàn (1.500.000.000đ) theo HĐ Góp Vốn Kinh Doanh số 114/TN-VH/HĐGV ngày 01/08/2008
- Đầu tư góp vốn vào Công ty CP Kinh Doanh Nhà Nam Hưng Thịnh (30.200.000.000đ) (tỷ lệ góp vốn 49.11%)
- Đầu tư góp vốn liên kết với Công ty Hải Nam (416.894.683đ) theo HĐ 56/TN-HN/HĐGV ngày 14/04/2010

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu năm 2010

10. Tài sản dài hạn khác

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Chi phí trả trước dài hạn	694.935.741	194.847.076
+ Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	572.986.721	167.461.663
+ Chi phí sửa chữa	12.447.915	27.385.413
+ Giấy phép bản quyền phần mềm	109.501.105	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.747.904	12.085.712
+ TS thuế TN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Tài sản dài hạn khác (đặt cọc thuê nhà)	75.000.000	75.000.000
Cộng	775.683.645	281.932.788

11. Nợ ngắn hạn

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Vay và nợ ngắn hạn	270.638.228.626	179.752.282.532
Ngân hàng Công Thương CN 10	48.331.961.959	35.408.232.087
Ngân hàng Thương Mại CP Việt Á	29.894.600.000	23.636.400.222
Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Chi Nhánh TP HCM	39.327.073.803	-
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn CN LTK	15.282.496.000	30.094.137.801
Ngân hàng TM CP Nam Việt		25.525.737.160
Ngân hàng Ngoại thương Chi nhánh Vĩnh Lộc	99.623.610.894	53.333.155.000
Ngân hàng TM CP An Bình	14.700.000.000	11.754.620.262
Ngân hàng HSBC	23.478.485.970	-
- Phải trả cho người bán	21.325.026.209	2.626.427.484
- Người mua trả tiền trước	102.184.898.222	86.801.320.539
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.713.649.188	3.984.447.927
Thuế GTGT đầu ra		786.289
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	199.048.770	301.212.355
Thuế nhập khẩu	552.407.837	174.092.384
Thuế TNDN	6.936.849.113	3.486.109.260

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu năm 2010

Thuế TNCN	25.343.468	22.247.639
Thuế nhà đất và tiền thuê đất		-
- Phải trả người lao động	2.594.751.949	2.682.666.858
- Chi phí phải trả	169.379.491	246.482.861
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	18.445.760.050	18.153.158.200
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.275.092.078	527.199.316
Cộng	424.346.785.813	294.773.985.717

12. Nợ dài hạn

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Phải trả dài hạn khác	3.462.522.252 (12.1)	3.023.751.619
Cộng	3.462.522.252	3.023.751.619

(12.1) Phải trả dài hạn khác gồm:

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng của		
BV Mắt Việt Hàn	1.500.000.000	1.500.000.000
CTY liên doanh TNHH KFC	570.523.800	570.523.800
CTY TNHH TM DV Thiên Nam Hoà	120.000.000	120.000.000
Cty TM vỏ xe Triều Hải	180.000.000	180.000.000
Cty TNHH MTV Tân Việt Mỹ	428.000.000	400.000.000
Cty TNHH TV & DV Kế Toán KTC	220.000.000	33.747.021
Cty CP Thế Giới Đồ Chơi	93.000.000	93.000.000
Công Ty Vương Đoàn	49.732.452	49.732.452
Công Ty Quốc Chinh	-	24.866.226
Công Ty TNHH TAAP International	-	23.682.120
VP đại diện KTP	-	20.000.000
Cty ĐT & PT Nhân Lực Á Châu	25.000.000	-
Cty TECH	24.066.000	-
Công Ty Thiết Bị Y Tế	5.000.000	
Cty TNHH Hùng Đại Dương	10.000.000	
Công Ty Global	229.000.000	
Phan Thị	8.200.000	8.200.000
Cộng	3.462.522.252	3.023.751.619

13. Vốn chủ sở hữu

13.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Vốn khác của</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Nguồn vốn đầu tư</i>	<i>Cộng</i>
--	------------------------------	-----------------------------	---------------------	---------------------	-------------------------	-------------

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu năm 2010

	<i>hữu</i>		<i>chủ sở hữu</i>		<i>xây dựng cơ bản</i>	
	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	33.000.000.000	42.681.336.364				75.681.336.364
Số dư cuối năm trước, Số dư đầu năm nay	80.000.000.000 80.000.000.000	55.186.113.637 55.186.113.637		(2.483.300) (2.483.300)		135.183.630.337 135.183.630.337
- Tăng vốn lũy kế đến năm này						
- Lãi trong năm này						
- Tăng khác						
- Giảm vốn trong năm này						
- Lỗ trong năm này						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	80.000.000.000	55.186.113.637		(2.483.300)		135.183.630.337

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Vốn đầu tư của nhà nước	16.544.000.000	16.544.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	63.456.000.000	63.456.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	55.186.113.637	55.186.113.637
- Cổ phiếu quỹ	(2.483.300)	(2.483.300)
Cộng :	135.183.630.337	135.183.630.337

Cổ tức:

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước 7.999.749.000

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu năm 2010

Tạm ứng cổ tức năm nay

Cộng

7.999.749.000

13.2. Cổ phiếu:

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	251	251
+ Cổ phiếu phổ thông	251	251
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.999.749	7.999.749
+ Cổ phiếu phổ thông	7.999.749	7.999.749
+ Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :10.000 VND

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- *Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh*
- *Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị*

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
+ Doanh thu thuần bán hàng	358.728.387.818	181.184.346.069
+ Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	576.456.276	1.131.392.142
+ Dthu thuần cho thuê bất động sản	4.840.381.906	4.142.416.301
Cộng	364.145.226.000	186.458.154.512

2. Giá vốn hàng bán

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Giá vốn hàng bán	328.340.223.052	170.326.664.720
Cộng	328.340.223.052	170.326.664.720

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu	912.980.374	149.417.792
- Lãi từ hoạt động liên doanh	51.813.000	626.425.922

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu năm 2010

- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.840.759	13.052.832
- Lãi bán hàng trả chậm	3.825.516.489	475.317.267
Cộng	4.806.150.622	1.264.213.813

4. Chi phí tài chính

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Chi phí lãi vay	7.846.656.231	2.311.777.299
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.254.656.303	11.772.565
Cộng	10.101.312.534	2.323.549.864

5. Chi phí bán hàng

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Chi phí nhân viên	1.278.802.750	1.361.216.256
- Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ lao động	50.292.671	80.803.389
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.103.630	40.277.352
- Thuế, phí, lệ phí	42.075.020	49.352.378
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.847.812.101	1.145.243.815
- Chi phí bằng tiền khác	297.855.346	172.557.186
Cộng	4.554.941.518	2.849.450.376

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Chi phí nhân viên	4.019.936.684	2.161.250.730
- Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ lao động	286.000.295	123.587.892
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	161.134.990	114.924.136
- Thuế, phí, lệ phí	48.913.818	61.591.878
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	508.580.366	216.586.994
- Chi phí bằng tiền khác	652.263.447	359.351.513
Cộng	5.676.829.600	3.037.293.143

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	5.077.251.667	1.626.511.814

NHÓM CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu năm 2010

- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay

Cộng	5.077.251.667	1.626.511.814
-------------	----------------------	----------------------

8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	6.337.808	(5.993.033)
Cộng	6.337.808	(5.993.033)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
LN kế toán sau thuế TNDN	15.169.862.338	7.592.048.325
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	7.999.749	3.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.896	2.301

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Vũ Thị Thúy Nga

Nguyễn Thị Ánh Hương

Ngô Hữu Hoàn